



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
507/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 05/12/2021
2. Tên mẫu: **Nước sạch**
3. Vị trí lấy mẫu: Hoàng Thị Gái, thôn Thanh Danh, xã Thanh Trạch
CTCN xã Thanh Trạch - huyện Bố Trạch
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 05/12/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	14,456	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,94	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,32	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	6,98	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	2	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	48,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	11	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,036	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	0	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,02	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,96	2
16	Asen	mg/l	QLCLN-PP-09	0	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;

- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

- ✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
- ✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
508/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

09/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 05/12/2021
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Nguyễn Khánh Hòa, thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch
CTCN xã Thanh Trạch - huyện Bố Trạch
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 05/12/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	14,442	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,92	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,24	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	6,85	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	2	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	48,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	11	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,036	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	0	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,02	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,96	2
16	Asen	mg/l	QLCLN-PP-09	0	0,01

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;

- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
509/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

11/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch

CTCN cụm xã Ngân Thủy Sơn Thủy và NT Lệ Ninh - huyện Lệ Thủy

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1 lít

6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,41	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,32	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	2	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	73,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	5,1	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,02	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,03	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,014	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	2	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,06	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,32	2

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Đỗ Thị Oánh




Nguyễn Trường Giang

✉ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

✉ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
510/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

11/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Trần Thị Huệ, 2A, TT Lệ Ninh
CTCN cụm xã Ngân Thủy Sơn Thủy và NT Lệ Ninh - huyện Lệ Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,32	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,18	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	2	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	61	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	6	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,011	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	1	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,06	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	1,28	2

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

☎ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

☎ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
511/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

11/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Đình Thị Lệ Quyên, Đội 1, Mỹ Đức, Sơn Thủy
CTCN cụm xã Ngân Thủy Sơn Thủy và NT Lệ Ninh - huyện Lệ Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	7,222	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,25	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,64	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	61,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	5,3	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,008	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	3	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,08	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,96	2

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**


Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
512/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch

CTCN thôn Châu Xá, xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,43	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,54	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	2	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	10	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	10,2	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,03	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,008	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	2	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,05	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,64	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	11	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**


Đỗ Thị Oánh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Trường Giang

✚ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
✚ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
513/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Phan Đình Kính, thôn Châu Xá, xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy
CTCN thôn Châu Xá, xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	5,304	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,31	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,27	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	10,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	10,1	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,29	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,005	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	3	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,08	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,96	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	20,5	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

☎ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

☎ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
514/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021
2. Tên mẫu: **Nước sạch**
3. Vị trí lấy mẫu: Phan Đức Niệm, thôn Châu Xá, xã Mai Thủy
CTCN thôn Châu Xá, xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,2	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,55	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	1	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	17,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	9,8	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,03	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,006	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	4	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,04	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,32	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	12	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✉ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
✉ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
515/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch

CTCN thôn Thái Xá - xã Mai Thủy - huyện Lệ Thủy

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,73	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,39	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,10	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	19,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	7,8	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,13	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,068	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	133	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,12	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,64	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	82,5	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✉ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
✉ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
516/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Đình Thị Mận, xã Mai Thủy - huyện Lệ Thủy

CTCN thôn Thái Xá - xã Mai Thủy - huyện Lệ Thủy

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:



TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,67	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,31	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	6,93	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	30	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	7,6	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,15	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,054	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	13	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,11	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,96	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	53	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

☎ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

☎ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
517/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Huyện Văn Lợi, thôn Mai Xá, xã Mai Thủy- Lệ Thủy

CTCN thôn Thái Xá - xã Mai Thủy - huyện Lệ Thủy

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,23	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,09	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	12,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	7,5	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,05	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,008	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	3	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,04	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	19	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✉ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
✉ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
518/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch

CTCN xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,08	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,42	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	6,99	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	17,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	8,3	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,04	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,19	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,04	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	5	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,07	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,64	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	31	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

📍 Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

☎ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
519/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Lê Văn Thanh, xã Mỹ Thủy huyện Lệ Thủy

CTCN xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,32	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,01	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	1	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	21	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	8,2	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,02	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,052	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	5	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,05	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,64	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	42	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✉ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

☎ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
520/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021
2. Tên mẫu: Nước sạch
3. Vị trí lấy mẫu: Đổ Quốc Đức, xã Mỹ Thủy huyện Lệ Thủy
CTCN xã Mỹ Thủy, huyện Lệ Thủy
4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình
5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l
6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021
7. Lưu mẫu: ☐ Không ☒ Có
8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	1,03	2
4	Clo dư	mg/l	QLCLN-PP-01	0,25	0,2-1,0
5	pH (*)		TCVN 6492:2011	6,97	Trong khoảng 6,0 - 8,5
6	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	0	<3
7	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	0	<1
8	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	21,5	300
9	Clorua	mg/l	QLCLN-PP-03	8,2	250 (hoặc 300)
10	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0	1,5
11	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,03	0,3
12	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,056	0,1
13	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	6	250
14	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,03	0,3
15	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	1,28	2
16	TDS	mg/l	SMEWW 2540- C:2017	43	≤ 1000
17	Pb	mg/l	SMEWW 3125B:2017	<0,01	≤ 0,01
18	Hg	mg/l	TCVN 7877:2008	<0,0005	≤ 0,001

Kết luận: Các chỉ tiêu kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

✉ Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

☎ Điện thoại: 02323.889.868



TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG BÌNH
PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

MÃ SỐ:
521/XNN/21

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

11/12/2021
Trang 01/01

1. Ngày nhận mẫu: 06/12/2021

2. Tên mẫu: Nước sạch

3. Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch

CTCN xã Đồng Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

4. Đơn vị gửi mẫu: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Bình

5. Số lượng/mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh vô trùng, dung tích 1,5l

6. Thời gian thử nghiệm: 06/12/2021

7. Lưu mẫu: ☐ Không

☒ Có

8. Kết quả thử nghiệm:

XC
VALAS 020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (1)
1	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	6,878	15
2	Mùi vị		QLCLN-PP-13	Không mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Độ đục(*)	NTU	TCVN 6184:1996	<1	2
4	pH (*)		TCVN 6492:2011	7,01	Trong khoảng 6,0 - 8,5
5	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-10	79	<3
6	E.coli	Vi khuẩn/ 100ml	QLCLN-PP-11	6	<1
7	Độ Cứng	mg/l	QLCLN-PP-07	51	300
8	Florua	mg/l	QLCLN-PP-04	0,01	1,5
9	Sắt	mg/l	QLCLN-PP-08	0,04	0,3
10	Mangan	mg/l	QLCLN-PP-05	0,004	0,1
11	Sunphat	mg/l	QLCLN-PP-02	0	250
12	Amoni	mg/l	QLCLN-PP-06	0,03	0,3
13	Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,32	2

Kết luận: Mẫu kiểm nghiệm không đạt tiêu chuẩn vệ sinh về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT về chỉ tiêu E.coli, Coliform

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;

Ghi chú:

- (1) Quy chuẩn so sánh;
- (*) Chỉ tiêu được Valas công nhận;
- (**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm;

**PHÒNG TRUYỀN THÔNG VÀ
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



Đỗ Thị Oánh



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trường Giang

📍 Địa chỉ: 03 Lê Quý Đôn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

☎ Điện thoại: 02323.889.868